TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2017
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Lắm;

2. Bà Trần Lệ Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồng Nghi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Tuyết M, sinh năm 1968 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Văn D, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Tuyết M trình bày*: Năm 1997 bà và ông Trương Văn D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, trong quá trình chung sống ông D không lo làm ăn, không lo cho gia đình, bà bị bệnh nhưng ông D không quan tâm chăm sóc mà còn kiếm chuyện chửi mắng, đánh bà rất nhiều lần. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 18/01/1997, hiện con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Trương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng ông D vắng mặt không có lý do và không có ý kiến với yêu cầu của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Phạm Tuyết M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trương Văn D, địa chỉ: ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông D vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M với ông D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến ngày 31/12/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh nên quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà M cương quyết xin được ly hôn với ông D vì vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do ông D không lo làm ăn, không lo cho gia đình, thường hay kiếm chuyện chửi bới và đánh đập bà rất nhiều lần. Đối với ông D, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần đề tham gia hòa giải nhưng ông D vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà M. Điều này, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M với ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc xin ly hôn với ông D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà M với ông D có 01 người con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 18/01/1997, hiện người con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có, ông D không có ý kiến đối với phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này các bên có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà M phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: các Điều 51; 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: Điều 12; Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Tuyết M với ông Trương Văn D.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Phạm Tuyết M phải nộp 300.000 đồng, do bà M thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, bà Phạm Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện việc kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Hoài Hận